

Số: 1583096

|                                            | Kia Soluto MT       | Kia New Morning Premium |
|--------------------------------------------|---------------------|-------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>386.000.000đ</b> | <b>399.000.000đ</b>     |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                     |                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4300 x 1700 x 1460  | 3595 x 1595 x 1495      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                | 2400                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                | 4700                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                 | 151                     |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1030                | 960                     |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1480                | 1370                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 475                 | 255                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 43                  | 35                      |
| Số chỗ ngồi                                | 5                   | 5                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước    | SX-LR trong nước        |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                     |                         |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.4L    | Xăng, Kappa 1.25L       |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1368                | 1248                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 94 / 6000           | 83 / 6000               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 132 / 4000          | 122 / 4000              |
| Hộp số                                     | 5MT                 | 4AT                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)         |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson          | Mc Pherson              |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn          | Thanh xoắn              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                 | Đĩa                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống          | Tang trống              |
| Thông số lốp xe                            | 174/70 R14          | 185/55 R15              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7                   | 7.74                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.76                | 4.68                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.59                | 5.82                    |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                     |                         |
| Cụm đèn trước                              | Halogen             | Halogen                 |
| Đèn sương mù                               | Halogen             | Halogen                 |
| Cụm đèn sau                                | Halogen             | Halogen                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | Chỉ chỉnh điện      | ●                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                     |                         |
| Chất liệu ghế                              | Simili              | Da                      |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                   | ●                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                   |                         |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                   | ●                       |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 2.8" LCD            | LCD 4.2"                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                   | 1                       |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                   | ●                       |
| Hệ thống âm thanh                          | 4 loa               | 6 loa                   |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                     |                         |
| Số túi khí                                 | 2                   | 2                       |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                   | ●                       |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                   | ●                       |